

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 5 năm 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Minh Tòng.

Bà: Nguyễn Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Nghi, là Thư ký Tòa án huyện An Lão, tỉnh Bình Định;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1995; nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: Tổ 7, Ấp 2, xã Mỹ N, thành phố C, tỉnh Đ. (Có đơn xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn V, xã A, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2022 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 19 tháng 3 năm 2022, lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

- Về hôn nhân: Trước khi thành hôn chị G và anh T tìm hiểu với nhau, được hai bên gia đình đồng ý, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân. Đăng ký kết hôn ngày 23/5/2017 tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh L. Sau khi thành hôn, hai vợ chồng

chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2020 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Lý do dịch bệnh Covid-19 bùng phát, vợ chồng làm không ra tiền, dần dần hai người bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Đến tháng 7 năm 2020 chị G về tỉnh Đ sinh sống, còn anh T thì về huyện An Lão, tỉnh Bình Định sinh sống, kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay hai bên đã sống ly thân, không bên nào còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Nay chị G không còn tình cảm yêu thương anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Về nuôi con chung: Chị G và anh T có 01 đứa con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 09/3/2019. Hiện nay con đang sống với anh T từ ngày 02/3/2022 đến nay. Khi ly hôn chị G xin nhận chăm sóc, nuôi dưỡng con đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Điều kiện để chị G xin nhận nuôi con là vì hiện nay công việc của chị có thu nhập ổn định, chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con từ khi sinh ra cho đến ngày 02/3/2022 anh T bỗng con về huyện An Lão, tỉnh Bình Định sinh sống cùng anh.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị G tự nguyện tìm hiểu với nhau, được hai bên gia đình đồng ý, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân. Đăng ký kết hôn ngày 23/5/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh L như lời khai của chị G là đúng. Còn việc mâu thuẫn vợ chồng là do năm 2020 anh T và chị G làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp vợ chồng làm không ra tiền nên anh về huyện An Lão, tỉnh Bình Định sinh sống còn chị G về tỉnh Đồng Tháp sinh sống, anh T chỉ liên lạc qua điện để nói chuyện với con, anh T có nói chị G về huyện An Lão sinh sống cùng anh nhưng chị G nói rằng về An Lão làm không ra tiền do đó không chịu về, anh và chị G đã sống ly thân từ năm 2020, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Mặc dù sống ly thân đã lâu nhưng anh T vẫn mong muốn cùng chị G xây dựng hạnh phúc gia đình nên anh đã vào tỉnh Đồng Tháp bỗng con về huyện An Lão, tỉnh Bình Định để níu kéo cuộc sống hôn nhân với chị G, nhưng chị G cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị G.

- Về nuôi con chung: Như lời chị G trình bày là đúng, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh nhận nuôi con đến trưởng thành, anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh không đồng ý để chị G nuôi con, vì cuộc sống của chị G không ổn định, anh sợ sẽ không đảm bảo cho việc phát triển toàn diện về mọi mặt cho con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (nơi vợ chồng đăng ký nhân khẩu thường trú) và gia đình cho biết: Mâu thuẫn giữa chị G và anh T thì Ban nhân dân thôn không rõ, vì khi cưới nhau hai người sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, khi dịch Covid-19 bùng phát thì hai người về địa phương sinh sống một thời gian ngắn thì chị G về Miền tây sinh sống. Phía gia đình cho biết mâu thuẫn vợ chồng xuất phát chủ yếu từ cách sống của hai người, mâu thuẫn trong cách sinh hoạt hằng ngày và dịch bệnh Covid-19 không làm ra tiền. Theo nhận xét của địa phương và gia đình cũng mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ, nhưng quyền quyết định ra sao là của anh chị. Về con chung thì nên giao con cho anh T nuôi sẽ tốt hơn chị G, anh T sống cùng cha mẹ đẻ và hiện nay nuôi heo và ươm trồng cây giống có thu nhập ổn định, cha mẹ anh T cùng phụ anh T nuôi con sẽ tốt hơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán: Chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) từ khi thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng; thu thập tài liệu, chứng cứ của vụ án đầy đủ, xác minh tình trạng hôn nhân, con chung, mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định, cấp phát các văn bản tố tụng đúng trình tự thủ tục luật định.

Hội đồng xét xử: Thành phần 01 Thẩm phán, 02 Hội thẩm đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS, nguyên tắc xét xử độc lập, tuân thủ các quy định chung về phiên tòa. Thư ký: Phổ biến nội quy phiên tòa, báo cáo sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51, 237 BLTTDS.

Nguyên đơn, bị đơn: Chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T;

- Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Trọng N cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Hai bên tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét;

- Về chia tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G và bị đơn anh Nguyễn Trọng T, cùng có nhân khẩu thường trú tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định và bị đơn anh Trãi cư trú tại huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Các điều kiện thụ lý như: Chủ thể, thẩm quyền đảm bảo nên Tòa án nhân dân huyện An Lão thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc G là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Trọng T kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra, nguyên nhân mâu thuẫn là do tình hình dịch bệnh Covid-19 anh và chị sống tại Thành phố Hồ Chí Minh làm không ra tiền để lo chi phí sinh hoạt hàng ngày, kể từ đó hai người luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người muốn về quê hương của mình sinh sống, không chọn được nơi ở phù hợp, nên từ năm 2020 cho đến nay mỗi người sống mỗi nơi, chị G sinh sống tại tỉnh Đồng Tháp, anh T thì về huyện An Lão, tỉnh Bình Định sinh sống, hai bên không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn thì anh T đồng ý. Việc anh, chị thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật. Nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị G và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 09/3/2019, cháu N hiện nay đang sống với anh T khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn cả chị G và anh T đều xin được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.2.1] Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con thì thấy. Chị G và anh T hiện nay đều có công việc, thu nhập ổn định, chị G làm công nhân thời vụ cho vừa trái cây ở tỉnh Đồng Tháp, có thu nhập ổn định được sự xác nhận của Chủ vừa trái cây. Còn anh T thì chăn nuôi heo và ươm trồng cây giống cho thu nhập ổn định để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt cho cháu N. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện An Lão, tỉnh Bình Định, anh T là lao động tự do thu nhập hàng ngày vào việc nuôi heo và ươm trồng cây giống. Do đó, cả chị G và anh T đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, cháu N đã trên 38 tháng tuổi và đang sống cùng anh T và anh T có đủ điều kiện nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định, giao con chung là Nguyễn Trọng N cho anh

Ti được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị G, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải nộp án phí 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên, kiểm sát việc xét xử tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc G với anh Nguyễn Trọng T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Trọng N, sinh ngày 09/3/2019 cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001113 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Chị G đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/5/2022). Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
 - VKSND huyện An Lão;
 - Chi cục THA DS huyện An Lão;
 - Các đương sự;
 - Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.
- (Bộ phận thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Huy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

